

Số: 108/2019/QĐST-HNGĐ

Thanh Thủy, ngày 07 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án “ Tranh chấp tài sản sau khi ly hôn ”, thụ lý số: 65/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu 9, xã B, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình T1**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu 9, xã B, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về tài sản chung:** chị T và anh T1 đã lập văn bản tự thoả thuận phân chia tài sản trước khi Tòa án hòa giải, đề nghị tòa án công nhận sự thoả thuận này cụ thể như sau:

- **Anh T1 trực tiếp sử dụng đất và sở hữu, sử dụng tài sản gồm:**

+ Thửa đất số 269, Tờ bản đồ số 13, diện tích 329m² trong đó có 100m² đất ở và 229m² đất trồng cây lâu năm, theo Giấy CNQSD đất số BC 764905 do UBND huyện Thanh Thủy cấp ngày 29/9/2010 mang tên anh Nguyễn Văn T1 và chị Phạm Thị T; tại

khu 9, xã B, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Ngày 21/10/2014 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Thủy đã đính chính lại sai sót về tên đệm thành “Nguyễn Đình T1”.

+ 01 ngôi nhà xây cấp IV, 02 tầng diện tích 145m² được xây dựng trên thửa đất trên.

- **Về thanh toán chênh lệch về tài sản:** Anh T1 có trách nhiệm thanh toán về chênh lệch tài sản sản cho chị T số tiền 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

* **Về công nợ chung, về cho vay, công sức đóng góp:** Chị T và anh T1 đều xác định vợ chồng không có, không đề nghị tòa án giải quyết nên tòa án không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Hoàn lại cho chị T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0001539 ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Viết Tú